

Phụ lục III
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
MST: 0100106320

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của VICEM:

✓ Thuận lợi:

- Dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn cầu, các nước dần gỡ bỏ các biện pháp phòng chống dịch, chuỗi cung ứng, giao thương được nối lại tạo điều kiện khôi phục kinh tế thế giới.

- Tại Việt Nam, năm 2022 là năm phục hồi kinh tế có ý nghĩa quan trọng (với GDP tăng 8,02% là mức cao nhất giai đoạn 2011-2022, trong đó lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%), tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Chính phủ và các Bộ, Ban, ngành, địa phương đã quyết tâm, nỗ lực triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ... về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời định hướng tập trung các giải pháp, chính sách cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

✓ Khó khăn:

- Xung đột giữa Nga và Ukraine tác động đến kinh tế toàn cầu với nhiều bất lợi; Trung Quốc duy trì chính sách “Zero Covid” để kiểm soát dịch Covid-19, thực hiện phong tỏa các cảng biển... đã ảnh hưởng đến giao thương của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

- Giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất xi măng như: xăng, dầu, than,... tăng cao, đặc biệt giá than nhập khẩu, đồng thời nguồn cung than khan hiếm. Giá than thế giới bình quân năm 2022 là 360,42 USD/tấn (trong năm 2022, có thời điểm tăng lên đến 490 USD/tấn vào tháng 5/2022), tăng 162,54% so với bình quân năm 2021 (137,28 USD/tấn). Đối với giá than trong nước, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đã điều chỉnh tăng giá bán 03

lần, tăng khoảng 40-45% so với thời điểm tháng 12/2021 (mỗi lần tăng 10-15% đối với một số chủng loại than). Giá xăng dầu trong nước bình quân năm 2022 tăng 28,01% so với năm 2021.

- Năm 2022, thị trường xi măng trong nước tiếp tục cạnh tranh khốc liệt do “cung” vượt xa so với “cầu”. Tổng nguồn cung xi măng khoảng 107 triệu tấn, trong khi đó tổng sản lượng tiêu thụ xi măng trong nước đạt khoảng 67 triệu tấn; sự mất cân đối “cung - cầu” cục bộ giữa các vùng miền trong nước làm tăng chi phí Logistics; giá cả vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất xi măng như: than, xăng, dầu... tăng cao so với năm 2021. Tiêu thụ xi măng chững lại do thị trường bất động sản trầm lắng, cộng với việc giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, dẫn đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất xi măng bị ảnh hưởng đáng kể, nhiều đơn vị sản xuất xi măng đã phải dừng lò hoặc hoạt động cầm chừng.

- Giá bán xi măng trong nước năm 2022 đã điều chỉnh tăng ba (03) đợt nhằm bù đắp chi phí tăng do giá nguyên nhiên liệu đầu vào tăng, đặc biệt là giá than nhập khẩu biến động tăng liên tục. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhu cầu thị trường thấp, cạnh tranh ngày càng khốc liệt nên giá thu về không bù đắp được chi phí đầu vào tăng.

- Cùng với đó, xuất khẩu gặp khó khăn do chính sách kiểm soát dịch bệnh tại Trung Quốc, bảo hộ sản xuất xi măng trong nước tại Philippines, cạnh tranh từ các nguồn cung dư thừa tại Trung Đông, Đông Nam Á..., giá xuất khẩu clinker xuống thấp (có thời điểm thấp hơn chi phí biến đổi) làm cho tồn kho tăng cao dẫn đến một số nhà máy phải dừng lò nung để tránh việc đổ clinker ra bãi.

- Xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng rời tiếp tục tăng làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên VICEM.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Năm 2022, môi trường kinh doanh xi măng gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của VICEM, cùng với sự đoàn kết, đổi mới sáng tạo, đồng lòng vượt khó của toàn thể CBCNV, VICEM và các đơn vị thành viên đã nỗ lực cố gắng khắc phục khó khăn, phát huy lợi thế, đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phấn đấu thực hiện tốt nhất mục tiêu sản xuất kinh doanh; triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của VICEM, cụ thể như sau:

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Giá trị thực hiện năm 2022
I	Toàn VICEM			
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)	Clinker	1.000 tấn	21.711	20.629
b)	Xi măng	1.000 tấn	25.904	24.608
2	Tổng doanh thu (Tổng hợp)	Tỷ đồng	41.311,59	39.338,94
	Tổng doanh thu (Hợp nhất)			31.086
3	Lợi nhuận trước thuế (Tổng hợp)	Tỷ đồng	1.705,74	1.476,09
	Lợi nhuận trước thuế (Hợp nhất)			857,03
4	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	1.892,82	1.868,25
5	Tổng lao động	Người	11.550	11.410
6	Tổng quỹ lương:	Tỷ đồng	2.539,725	2.549,728
a)	Quỹ lương người quản lý	Tỷ đồng	56,278	51,397
b)	Quỹ lương người lao động	Tỷ đồng	2.483,447	2.498,331
II	Công ty Mẹ			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.058,258	1.021,89
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	805,629	815,37
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	805,629	815,37
4	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	612,999	565,79
5	Tổng lao động	Người	287	273
6	Tổng quỹ lương:	Tỷ đồng	141,06	139,37
a)	Quỹ lương người quản lý	Tỷ đồng	8,5	7,1
b)	Quỹ lương người lao động	Tỷ đồng	132,56	132,28

Ghi chú:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2022 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 851/QĐ-BXD ngày 28/9/2022.

- Lao động Công ty Mẹ và các Công ty thành viên là Công ty TNHH MTV, Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của VICEM.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên

Năm 2022, VICEM tiếp tục tập trung vào 4 nhóm lĩnh vực chủ yếu trong công tác đầu tư xây dựng: Nhóm dự án đầu tư mỏ nguyên liệu; nhóm dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất; nhóm dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện; rà soát, xử lý tồn tại của các dự án tại Công ty mẹ - VICEM và các đơn vị thành viên.

- Đối với các dự án mỏ nguyên liệu: Bám sát các Bộ ngành, địa phương liên quan để có được sự hỗ trợ cần thiết nhằm đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất ổn định hiện tại và lâu dài tại các đơn vị sản xuất xi măng của VICEM.

- Đối với các Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện: VICEM đã thỏa thuận chủ trương đầu tư Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện của Xi măng Bỉm Sơn, Vicem Hải Phòng.

- Đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất thông qua việc cải tạo các dây chuyền công nghệ để nâng công suất, giảm tiêu hao, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đảm bảo an toàn môi trường.

- Rà soát, xử lý các tồn tại của dự án đầu tư xây dựng của Công ty mẹ - VICEM (Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM, Dự án Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy và Dự án Vật liệu xây dựng không nung Đông Hội) và của các đơn vị thành viên.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất của Công ty mẹ - VICEM và các đơn vị thành viên theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và theo yêu cầu của Bộ Xây dựng tại văn bản số 3333/BXD-KHTC ngày 20/8/2021: Ngày 30/6/2022, Hội đồng thành viên VICEM đã có văn bản số 1197/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo yêu cầu của Bộ Xây dựng tại văn bản số 3333/BXD-KHTC.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến hết 31/12/2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...)
A	CÔNG TY MẸ VICEM						
	<i>Dự án nhóm A</i>						
1	Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM	2.743,8	2.195,0	548,8		1.232,2	2011-2025
2	Dự án Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy	6.501,1	5.200,9	1.300,2		63,8	
B	CÔNG TY DO VICEM SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ						
I	VICEM HOÀNG THẠCH						

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến hết 31/12/2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...)
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án trạm phát điện tận dụng nhiệt thải lò nung	459,1	275,5	183,6		1,8	2011-2025
2	Dự án đầu tư xây dựng mỏ đá vôi Áng Rong	121,6	73,0	48,6		87,1	2007-2024
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét Cúc Tiên	247,4	148,4	99,0		1,5	2009-2025
4	Dự án nâng cao năng lực nghiền xi măng và silo chứa xi măng	1.363,7	954,6	409,1		1.010,0	2016-2020
II	VICEM HẢI PHÒNG						
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện	239,0	143,4	95,6		0,7	2022-2024
2	Dự án ĐTXD CT khai thác mỏ đá vôi Ngà Voi	170,5	119,3	51,2		47,9	2019-2022
III	VICEM TAM ĐIỆP						
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - Nhà máy Xi măng Tam Điệp	267,8	187,5	80,3		0,0	2023-2025
C	CÔNG TY DO VICEM SỞ HỮU TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ						
I	VICEM HẠ LONG						-
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án nâng cao năng lực nghiền và silo chứa xi măng	500,0	400,0	100,0		0,6	

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến hết 31/12/2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...)
2	Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện	294,1	205,9	88,2		0,0	
II	VICEM SÔNG THAO						
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện	147,0				0,0	
III	VICEM BÚT SON						
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình tận dụng nhiệt thừa khí thải dây chuyền 1 và dây chuyền 2 để phát điện	454,2	272,5	181,7		43,5	2022-2024
2	Dự án mỏ sét Lạc Thủy Hoà Bình	229,7	160,8	68,9		7,1	2022-2025
IV	VICEM BỈM SON						
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện	530,2	371,1	159,1		2,0	2023-2025
2	Dự án Kho nguyên liệu	384,2	238,8	145,4		232,5	2019-2022
3	Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiền xi măng đến đóng bao	927,3	355,2	572,1		880,2	2016-2021
V	VICEM HOÀNG MAI						
	<i>Dự án nhóm A</i>						
1	Dự án xi măng Hoàng Mai 2 - Giai đoạn 1	6.124,5	3.858,4	2.266,1		26,6	2025-2028
	<i>Dự án nhóm B</i>						

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến hết 31/12/2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...)
1	Dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện	256,1	179,3	76,8		0,5	2023-2025
VI	VICEM HÀ TIÊN						
	<i>Dự án nhóm A</i>						
1	Hà Tiên 2-1: Lò 3 công suất 2 triệu tấn/năm	6.500,0				0,0	2022-2029
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án Khai thác mỏ đá vôi Thanh Lương	786,9	550,8	236,1		54,2	2022-2023
2	Dự án dây chuyền nghiền tại trạm nghiền Long An (Bù cho năng lực mất đi của trạm nghiền Thủ Đức)	1.600,0	960,0	640,0		0,1	2021-2027
3	Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện – NM XM Bình Phước	280,0	168,0	112,0		1,3	2021-2025
4	Công trình Kiến thiết cơ bản mỏ sét lô 5 NM XM Kiên Lương	61,3		61,3		38,3	2019-2022
5	Dự án khai thác mỏ đá vôi núi Trầu, núi Còm, núi Châu Hạng	230,7	161,5	69,2		92,3	2021-2023
6	Dự án nâng cao năng lực nghiền xi măng tại NM XM Kiên Lương	1.338,8	937,2	401,6		12,9	2022-2027
7	Đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi núi Khoe Lá	138,0	82,8	55,2		16,2	2022-2023
8	Dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - NM XM Kiên Lương	280,0	168,0	112,0		0,5	2024-2025

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến hết 31/12/2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...)
VII	CÔNG TY CP LOGISTICS VICEM						
	Dự án nhóm B						
1	Dự án đầu tư phương tiện vận tải thủy	113,8		113,8		0,0	2023-2024

2. Các khoản đầu tư tài chính

- Đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 của VICEM là 2.528,739 tỷ đồng trong đó chủ yếu là các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

- Đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/12/2022 của VICEM là 4.378,790 tỷ đồng, trong đó:

- + Đầu tư vào công liên doanh, liên kết : 4.061,890 tỷ đồng
- + Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác: 384,169 tỷ đồng.
- + Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: - 67,269 tỷ đồng.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

- Đối với các công ty con do VICEM nắm giữ 100% vốn điều lệ: Nhìn chung các chỉ tiêu chủ yếu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của các công ty cơ bản đạt kế hoạch, sản xuất kinh doanh có lãi.

- Đối với các công ty con là công ty cổ phần do Công ty mẹ VICEM nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Phần lớn kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 các công ty con đều có lãi. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cùng với tác động của các yếu tố khách quan khác nên kết quả thực hiện của một số công ty còn thấp hơn kế hoạch và thấp hơn năm 2021. Năm 2022 vẫn còn 02 đơn vị là Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao trong tình trạng mất an toàn tài chính theo quy định: hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu >3; hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn <0,5 và lỗ lũy kế ở mức cao so với vốn đầu tư của chủ sở hữu.

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận cổ tức nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ	3.545,00	3.938,64	5.652,39	9.496,22	297,84	236,09	66,83	319,31	2.729,44
1	Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.875,00	1.875,00	2.922,06	4.812,76	206,53	164,67	66,83	213,50	1.047,06
2	Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	920,00	931,61	1.503,99	3.280,02	88,63	69,37	-	74,09	583,99
3	Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	750,00	1.132,03	1.226,34	1.403,44	2,69	2,05	-	31,72	1.098,39
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	10.726,74	7.698,28	26.209,69	28.820,83	370,04	230,73	274,62	983,15	16.466,53
1	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	1.235,60	898,56	3.324,55	3.164,96	68,05	53,93	39,30	129,90	1.902,69
2	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	1.232,10	733,29	3.918,37	4.223,82	115,71	91,80	45,06	109,33	1.762,55
3	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	747,69	510,92	1.521,54	2.075,45	27,27	21,28	-	88,07	549,26
4	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	415,25	314,64	771,67	750,88	2,60	1,85	-	18,67	328,17
5	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	3.815,90	2.584,43	9.375,60	8.924,90	324,20	257,64	182,46	414,08	4.271,97
6	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.942,10	1.605,86	3.891,33	2.500,54	(240,32)	(251,05)	-	84,40	5.707,99
7	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	639,40	516,55	977,47	1.166,73	14,54	11,48	-	29,33	644,04

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận cổ tức nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
8	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	60,00	35,79	141,50	616,03	7,23	5,74	2,15	8,85	45,83
9	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM	312,00	279,37	1.465,04	4.462,85	26,95	19,32	-	66,78	1.039,00
10	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	6,50	3,35	13,86	12,70	0,91	0,65	0,23	1,14	4,09
11	Công ty Cổ phần Vicem TMDV Vận tải Xi măng Hải Phòng	20,16	16,29	44,51	71,26	0,83	0,63	0,16	1,99	3,68
12	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	70,00	41,99	196,88	253,29	0,22	0,02	-	10,04	81,34
13	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	99,00	65,15	137,19	225,01	0,20	0,20	-	6,24	26,43
14	Công ty Cổ phần Logistics VICEM	131,04	92,10	430,19	372,41	21,65	17,23	5,25	14,34	99,50
	Tổng cộng	14.271,74	11.636,91	31.862,09	38.317,05	667,88	466,82	341,45	1.302,46	19.195,97